

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02/7/2024

V/v: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, TỈNH HD

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Vân, ông Hoàng Ngọc Thành

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Bốn - Thư ký Toà án nhân dân huyện TH, tỉnh HD.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh HD tham gia phiên toà: bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 02-02-2024 về việc: “Ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-5-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐST -HNGĐ ngày 13/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tăng Thị Đ, sinh năm 1982, (có mặt).

- Bị đơn: anh Lê Văn Q, sinh năm 1979, (vắng mặt)

Đều cư trú tại: Thôn Du La, xã Cẩm Chế, huyện TH, tỉnh HD

- Người làm chứng:

- Ông Lê Văn V, sinh năm 1954; Cư trú tại thôn Du La, xã Cẩm Chế, huyện TH, tỉnh HD; Trưởng thôn Du La, xã Cẩm Chế, huyện TH, tỉnh HD (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Tăng Thị Đ trình bày:

Chị và anh Lê Văn Q tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CH ngày 20/02/2008. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng suy nghĩ nên luôn bất đồng về tình cảm, làm ăn và cách nuôi dạy con. Anh Q đã sĩ nhục, không tôn trọng chị. Chị đã làm đơn xin ly hôn sau đó được xã, thôn hòa giải nên chị đã rút đơn, vợ chồng đoàn tụ được một thời gian ngắn lại phát sinh mâu thuẫn, tuy vẫn chung sống cùng nhà nhưng anh chị đã ly thân từ tháng 01.2020 đến nay, không quan tâm trách nhiệm với nhau. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Anh K, sinh ngày 30/10/2008 và Lê Đức T, sinh ngày 28/7/2015, Chị Đ xin nuôi cả 02 con và tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị Đ tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/03/2024, bị đơn anh Lê Văn Q trình bày: Anh và chị Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CH, quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, anh vẫn có trách nhiệm với vợ con nhưng không hiểu lý do vì sao chị Đ xin ly hôn anh. Anh Q không đồng ý ly hôn, sau đó anh Q không trình bày về con, tài sản, nợ chung, công sức...rồi tự ý bỏ đi không ký biên bản làm việc, không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập.

Xác minh với ông Lê Văn V (bố đẻ anh Q): Anh chị Đ Q tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C CH. Sau ngày cưới anh chị ăn ở riêng nhà vì ông làm nhà cho anh Q trước khi anh Q cưới chị Đ. Quá trình chung sống anh chị không có mâu thuẫn, việc chị Đ xin ly hôn anh Q ông thấy bất ngờ, ông mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, ông sẽ liên hệ với ông thông gia (bố đẻ chị Đ) để cùng khuyên bảo hòa giải. Về con chung: anh chị có 02 con chung là Lê Anh K, sinh ngày 30/10/2008 và Lê Đức T, sinh ngày 28/7/2015. Hiện các con đang ở cùng anh chị Đ Q. Tại biên bản xác minh ngày 25/4/2024, ông V xác định chị Đ và anh Q tuy vẫn sống chung cùng nhà nhưng không quan tâm, trách nhiệm với nhau, đã 04 năm nay chị Đ không qua lại, thăm nom, trách nhiệm với gia đình ông. Ông cũng không gặp gỡ thông gia để hòa giải, anh Q cũng không nhờ gia đình khuyên bảo, hòa giải. Hiện nay anh Q có mặt và đang sinh sống tại Du La, xã Cẩm Chế, huyện TH, tỉnh HD. Ông đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Trưởng thôn cung cấp như sau: Anh chị Đ Q có xảy ra mâu thuẫn, Cơ sở thôn cũng đã hòa giải nhưng chỉ được một thời gian ngắn lại phát sinh mâu thuẫn. Quan điểm cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt giữ nguyên lời trình bày, bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh HD phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Đề nghị áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị Tăng Thị Đ ly hôn anh Lê Văn Q. Về con chung: Giao 02 con Lê Anh K, sinh ngày 30/10/2008 và Lê Đức T, sinh ngày 28/7/2015 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con của chị Đ; Tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử, nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn, người làm chứng đều đã được giao trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng.

[2] Về hôn nhân: anh chị Tăng Thị Đ và Lê Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Chế, huyện TH, tỉnh HD ngày 20/02/2008 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, tuy vẫn sống chung cùng nhà nhưng vợ chồng bất đồng quan điểm, anh chị không quan tâm trách nhiệm với nhau, việc của ai người đó tự lo liệu, chị Đ xin ly hôn, anh Q không đồng ý ly hôn. Tòa án đã nhiều triệu tập nhưng anh Q đều vắng mặt, không hợp tác, không trình bày, không ký nhận các biên bản tố tụng và cố ý lẩn tránh. Anh Q không có biện pháp tích cực để cải thiện tình cảm vợ chồng. Như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ và Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện TH. Xử cho chị Tăng Thị Đông được ly hôn anh Lê Văn Q.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung Lê Anh K , sinh ngày 30/10/2008 và Lê Đức T, sinh ngày 28/7/2015, ly hôn chị Đ xin nuôi hai con, tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con, chị kinh doanh tự do, có công việc và thu nhập ổn định, chị khẳng định không gặp khó khăn gì trong quá trình nuôi con. Vì anh Q không hợp tác, không trình bày quan điểm về việc nuôi con. Do đó cần tiếp tục giao 02 con cho chị Đ nuôi dưỡng cũng phù hợp nguyện vọng của các con đều xin ở với chị Đ. Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của chị Đ.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị Đ tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Đ có đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tăng Thị Đ được ly hôn anh Lê Văn Q.

- Về con chung: Giao cho chị Tăng Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Anh K, sinh ngày 30/10/2008 và Lê Đức T, sinh ngày 28/7/2015, kể từ tháng 7/2024 đến khi các con thành niên 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con của chị Đ. Anh Lê Văn Q được quyền thăm nom, chăm

sóc con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Tăng Thị Đ phải chịu 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000^d theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án BLTU/23, số 0001015 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH, tỉnh HD (*chị Đ đã thi hành xong án phí*)

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TH;
- Chi cục THADS huyện TH;
- UBND xã CC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hoài

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

NGUYỄN THỊ THU HOÀI